

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo tỉnh Hưng Yên năm 2024

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện các văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Nghị quyết số 31-NQ/TU ngày 12/8/2022 về Chương trình phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và giảm nghèo tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 41-NQ/TU ngày 21/8/2023 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 32-KH/TU ngày 17/8/2021 thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

Căn cứ các Kế hoạch của UBND tỉnh: số 103/KH-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2022 về thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2025; số 213/KH-UBND ngày 30/12/2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; số 175/KH-UBND ngày 28/11/2023 thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TU ngày 21/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo tỉnh Hưng Yên.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo tỉnh Hưng Yên năm 2024, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin), nâng cao chất lượng cuộc sống góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu chủ yếu: Phần đầu năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm xuống còn 0,66% (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025).

(Phụ lục: Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo tỉnh Hưng Yên năm 2024).

b) Dự kiến các chỉ tiêu cần đạt được để giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản đến năm 2024, cụ thể:

- Chiều thiếu hụt việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi xuống còn 9,6% và tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi xuống còn 17,3%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo: 97% trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi; Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt 66%, có bằng cấp chứng chỉ đạt 28%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: 100% hộ nghèo có khó khăn về nhà ở có nhu cầu xây mới, sửa chữa được hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 88% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 84,65% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 96% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

II. THỜI GIAN, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Thời gian: Năm 2024

2. Phạm vi: Kế hoạch được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, ưu tiên địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao.

3. Đối tượng:

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ có thành viên là người có công với cách mạng; hộ nghèo không có khả năng lao động; phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thực hiện hiệu quả các dự án Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

a) Các dự án, tiểu dự án gồm:

- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

+ Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- + Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng
- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững
 - + Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững
- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin
 - + Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin
 - + Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều
- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình
 - + Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình
 - + Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

b) Mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ của các dự án, tiểu dự án thực hiện theo khoản 1 Mục IV của Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh về thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2025 và khoản 2 Mục III của Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025.

c) Các nội dung chi tiết, cụ thể của từng dự án, tiểu dự án thực hiện theo hướng dẫn tại các văn bản của các bộ, ngành được phân công chủ trì.

2. Thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo khác

a) Phát triển giáo dục nghề nghiệp tạo việc làm

Căn cứ vào tiềm năng phát triển của các doanh nghiệp, năng lực của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, thường xuyên khảo sát, đánh giá, phân loại nhu cầu của người lao động về năng lực, việc làm, lao động nhằm mục đích hướng dẫn, xây dựng chính sách tiếp cận, kết nối người lao động với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, đối tượng yếu thế.

Thực hiện chuyên đổi linh hoạt trong công tác đào tạo các ngành nghề đảm bảo “sát, đúng, trúng” với nhu cầu về lao động của các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng nguồn nhân lực. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia hỗ trợ, tiếp nhận, đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật và đối tượng yếu thế khác.

b) Hỗ trợ về y tế

Thực hiện hiệu quả các chính sách bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định; Tiếp tục rà soát các nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn chưa có khả năng tham gia BHYT để nghiên cứu xây dựng chính

sách hỗ trợ mức đóng thẻ BHYT hằng năm (người ốm đau dài hạn, người mắc bệnh hiểm nghèo...).

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chú trọng công tác phòng bệnh từ cơ sở; ưu tiên đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, đảm bảo mọi người dân, nhất là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận với dịch vụ y tế hiệu quả nhất.

c) Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi

Tăng cường tập trung nguồn lực cho NHCSXH thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội. Hằng năm, ưu tiên bố trí ngân sách ủy thác qua NHCSXH để bổ sung nguồn vốn cho vay đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người nghèo và các đối tượng chính sách khác, góp phần thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, chất lượng các chương trình tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn, gắn việc triển khai tín dụng chính sách với chủ trương, định hướng về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp nông thôn; quan tâm đầu tư vốn tín dụng chính sách cho các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, thu hút nhiều lao động, phát triển làng nghề,...tại các địa phương.

Duy trì và phát huy hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách xã hội; quan tâm phối hợp, lồng ghép có hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách với hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, xây dựng và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trong quản lý và sử dụng vốn vay để nâng cao chất lượng, hiệu quả vốn tín dụng chính sách xã hội.

d) Hỗ trợ về nhà ở

Thường xuyên rà soát, phân loại nhóm hộ nghèo có khó khăn về nhà ở, có nhu cầu sửa chữa, xây mới nhà ở, tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí thực hiện từ nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác, hướng tới 100% hộ nghèo trên toàn tỉnh có khó khăn về nhà ở, có nhu cầu sửa chữa, xây mới nhà ở được tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản về nhà ở.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, cận nghèo của tỉnh theo Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ Vì người nghèo các cấp.

e) Hỗ trợ về giáo dục

Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mầm non, học sinh, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

Tăng cường đầu tư cho các cơ sở giáo dục; huy động các nguồn lực của xã hội để phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là đào tạo nghề để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong giáo dục, khuyến khích xây dựng, mở rộng “Quỹ khuyến học”, tạo điều kiện cho trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đến trường.

Thực hiện tốt phân luồng sau trung học cơ sở và liên thông giữa các chương trình giáo dục, cấp học và trình độ đào tạo; xây dựng xã hội học tập, đa dạng hóa phương thức học tập đáp ứng nhu cầu nâng cao hiểu biết và tạo cơ hội học tập suốt đời cho người dân.

g) Hỗ trợ về nước sinh hoạt và vệ sinh

Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý vận hành, giám sát thực hiện công trình cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.

Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, nâng mức hỗ trợ, khuyến khích, vận động hộ nghèo sử dụng nước sạch, dịch vụ vệ sinh phù hợp, đảm bảo môi trường.

h) Trợ giúp pháp lý

Thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo đảm bảo 100% người nghèo, người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo có nhu cầu được trợ giúp pháp lý nhằm nâng cao hiểu biết quyền, nghĩa vụ của công dân và chủ động tiếp cận chính sách trợ giúp của Nhà nước, góp phần mở rộng việc thực thi dân chủ ở cơ sở.

i) Các chính sách khác

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo; chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng yếu thế...; tổ chức thực hiện kịp thời Nghị quyết số 345/2023/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và chính sách trợ giúp xã hội đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025 theo Nghị quyết số 338/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về quy định chính sách hỗ trợ khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025 đảm bảo đúng theo quy định.

k) Thực hiện hiệu quả Phong trào “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Tiếp tục phát huy phong trào “Vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau”; huy động các nguồn lực xã hội, xây dựng Quỹ “Vì người nghèo” các cấp; các nguồn lực của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp, hội, nhóm thiện nguyện, nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh nhằm hỗ trợ hộ nghèo, nhất là bảo trợ người nghèo không có khả năng lao động, góp phần thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí sự nghiệp đảm bảo xã hội hàng năm theo phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hiện hành; nguồn vốn tín dụng để cho vay thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; Quỹ “Vì người nghèo; nguồn vận động, xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật”.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (sau đây viết tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh): Chịu trách nhiệm giúp UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Các sở, ngành, đơn vị

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh, tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ.

- Chủ trì triển khai các chính sách giảm nghèo và các Dự án, tiểu dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp tạo việc làm; Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; Tiểu Dự án 3 thuộc Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững; Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều; Dự án 7: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, giám sát, đánh giá Chương trình; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên và định kỳ năm 2024 đảm bảo theo đúng quy định.

- Thực hiện tốt chính sách trợ giúp xã hội đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan và các địa phương tham mưu xây dựng chính sách nâng mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho nhóm đối tượng là người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổng hợp, dự kiến kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đảm bảo nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình, dự án và các chính sách giảm nghèo nhằm thực hiện hiệu quả Kế hoạch đã đề ra.

- Kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu của các lĩnh vực gắn với việc thực hiện các mục tiêu giảm nghèo.

c) Sở Tài chính

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chủ trì thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho người nghèo.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì triển khai chính sách giảm nghèo và tiêu dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; Chính sách hỗ trợ nước sạch trong sinh hoạt; Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

đ) Sở Y tế

- Chủ trì triển khai chính sách giảm nghèo và tiêu dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 3: Cải thiện dinh dưỡng; Chính sách hỗ trợ về y tế; Chính sách hỗ trợ nhà tiêu hợp vệ sinh; Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Lồng ghép lĩnh vực quản lý của ngành, đề xuất đầu tư, nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, xã, phường, thị trấn.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì triển khai thực hiện hiệu quả Chính sách hỗ trợ về giáo dục.

g) Sở Xây dựng: Chủ trì triển khai thực hiện hiệu quả Chính sách hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn tỉnh.

h) Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì triển khai Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6 trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Giảm nghèo về thông tin; Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

i) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Chủ trì tổ chức quản lý, đảm bảo thực hiện hiệu quả nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác theo đúng quy định.

k) Sở Tư pháp: Chỉ đạo Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước chủ trì triển khai chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo và các đối tượng khác.

l) Các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

m) UBND huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2024 đảm bảo hiệu quả, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phối hợp với các cấp, các ngành lồng ghép các chương trình kinh tế, xã hội với chương trình giảm nghèo; Huy động, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ cho công tác giảm nghèo.

- Triển khai, thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên và định kỳ năm 2024 đảm bảo theo đúng quy trình, chính xác, dân chủ, công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định; Thực hiện đồng thời việc phân loại hộ nghèo theo từng nhóm nguyên nhân, để đưa ra các giải pháp can thiệp, hỗ trợ phù hợp tình hình của địa phương giúp người nghèo vươn lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2024 về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

n) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, vận động sự tham gia của xã hội, cộng đồng trong công tác giảm nghèo; Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững; Tiếp tục xây dựng và sử dụng có hiệu quả quỹ “Vì người nghèo”, thực hiện tốt Tháng cao điểm vì người nghèo, kêu gọi các tổ chức, cá nhân chung tay ủng hộ giúp đỡ để người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Thực hiện hiệu quả hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà ở Đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh đảm bảo theo Quy chế và sử dụng Quỹ Vì người nghèo các cấp.

- Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện triển khai các chính sách giảm nghèo.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Căn cứ nội dung Kế hoạch, các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các địa phương chủ động triển khai thực hiện; báo cáo định kỳ kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch về Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, TX, TP;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^T.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Hưng

Phụ lục:

DỰ KIẾN
TỶ LỆ HỘ NGHÈO TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2024
 (Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh)

STT	Huyện/TX/TP	Tổng số hộ dân cư (hộ)	Tổng số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
1	Phù Cừ	29.454	269	0,91
2	Tiên Lữ	32.858	303	0,92
3	TP Hưng Yên	37.571	150	0,40
4	Kim Động	40.317	250	0,62
5	Ân Thi	47.992	430	0,90
6	Khoái Châu	66.000	466	0,71
7	Yên Mỹ	47.933	298	0,62
8	Mỹ Hào	35.127	189	0,54
9	Văn Lâm	35.914	199	0,55
10	Văn Giang	34.502	121	0,35
Tổng cộng		407.668	2.675	0,66